

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN HĐ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

----***----

Bản án số: 141/2024/HSST

Ngày: 22/10/2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HĐ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Diệu Kim

Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn X Lưu, Nguyễn Thị Thêm

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Luyên – Thư ký TAND huyện HĐ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HĐ tham gia phiên tòa: Ông Lê Anh Tuấn - Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 10 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện HĐ xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 146/HSST ngày 03 tháng 10 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 142/2024/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 10 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Thúy L, sinh năm 1962; giới tính: Nữ; Nơi ĐKTT và cư trú: tổ 1, phường Lê Hồng Phong, thành phố TB, tỉnh TB; Trình độ học vấn: 10/10; Nghề nghiệp: Lao động tự do; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn B (đã chết) và bà Trần Thị P; Chồng Trần Quang B; Con có 01 con.

- Tiền án, tiền sự : không.

Bị cáo bị bắt từ ngày 01/7/2024. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1 Công an thành phố Hà Nội. (có mặt)

*** Người bị hại:** Bà Đỗ Thị X, sinh năm 1960

HKTT: thôn Đào Nguyên, xã AT, huyện HĐ, thành phố Hà Nội (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thúy L và bà Phạm Thị Q có quen biết xã hội với nhau. Khoảng đầu năm 2015, bà Q nói với L về việc bà Đỗ Thị X muốn xin việc cho cháu của mình là Đỗ X Cường vào công tác trong ngành Công an, thì L đồng ý nhận lời.

Theo Nguyễn Thúy L tự khai: Sau khi nhận lời với bà X, L đã liên hệ với ông Nguyễn Hồng Cự (Sinh năm: 1949; HKTT: Thôn An Khoái, xã Quỳnh Sơn, Quỳnh Phụ, TB; nay là xã Châu Sơn, Quỳnh Phụ, TB), hỏi có xin được cho cháu bà X vào

ngành Công an được không. Ông Cự trả lời: “*Làm được, làm hồ sơ khẩn trương*”. Qua trao đổi, ông Cự nói với L chi phí xin vào ngành Công an hết **350.000.000 đồng**. Sau đó, L có nói với bà Q có thể xin cho cháu bà X vào ngành Công an. Sau đó, L cùng bà Q đến nhà bà X tại thôn Đào Nguyên, xã AT, HĐ, Hà Nội. Tại đây, bà X đã đặt vấn đề nhờ L xin việc cho cháu là Đỗ X Cường vào công tác tại Công an Thành phố Hà Nội và được L cho biết có thể xin việc cho anh Cường vào công tác ở Công an Thành phố Hà Nội với chi phí **450.000.000 đồng**, bà X đồng ý và đưa cho L một bộ hồ sơ của anh Cường (có lý lịch xin việc và một số giấy tờ khác), L đã đưa bộ hồ sơ này cho ông Cự. Khoảng vài ngày sau, L hỏi ông Cự hồ sơ được duyệt chưa thì được ông Cự thông báo hồ sơ đã được duyệt và bảo L chuyển tiền. Sau đó, L đã trao đổi, yêu cầu bà X chuẩn bị tiền.

Ngày 09/3/2015 (tức ngày 19/01/2015 âm lịch), L cùng bà Q đến nhà bà X ở thôn Đào Nguyên, xã AT, HĐ, Hà Nội. Tại đây, L đã nhận của bà X số tiền 120.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền, L đã viết cho bà X một giấy biên nhận với nội dung: “*Tôi xin giúp việc cho cháu Đỗ X Cường, cháu chị Đỗ Thị X vào làm việc tại Công an thành phố Hà Nội chính qui chuyên nghiệp số tiền 450 triệu đồng*”. Sau đó, L về và gọi cho ông Cự đến nhà tại phường Lê Hồng Phong, TP TB, tỉnh TB để đưa cho ông Cự số tiền 120.000.000 đồng.

Ngày 16/3/2015 (tức ngày 26/01/2015 âm lịch), L cùng bà Q tiếp tục đến nhà bà X. Tại đây, L nhận của bà X số tiền 15.000 USD (đô la Mỹ). Sau khi nhận tiền L viết cho bà X 01 giấy biên nhận với nội dung: “*Đã nhận của chị X là 15 nghìn USD lo việc cho cháu Đỗ X Cường. Số tiền nhận đủ 450 triệu đồng chẵn. Nếu trong thời gian 15 ngày không đi được, sẽ hoàn lại số tiền đầy đủ*”. Sau đó, L đã về một đại lý ở thành phố TB (L không nhớ địa chỉ) để đổi số tiền (USD) trên được khoảng **330.000.000 đồng**. Sau khi đổi được tiền, L đã gọi ông Cự đến nhà tại phường Lê Hồng Phong, thành phố TB và đưa cho ông Cự cho số tiền **230.000.000 đồng**; còn lại, số tiền **100.000.000 đồng** thì L giữ cho bản thân và chi tiêu cá nhân hết. Ngày 27/4/2015, L tiếp tục đến nhà bà X để nhận thêm số tiền 10.000.000 đồng để xin việc cho anh Cường, L viết cho bà X 01 giấy thể hiện nội dung: “*Em L nhận 10 triệu đồng*”. Số tiền này, L đã chi tiêu cá nhân hết. Như vậy, tổng số tiền mà Nguyễn Thúy L đã nhận ba lần của bà Đỗ Thị X để xin việc cho anh Đỗ X Cường là: 130.000.000 đồng và 15.000 đô la Mỹ = **451.870.000 đồng**.

Sau khi nhận tiền của bà X, nhưng L vẫn không xin được việc cho anh Cường. Bà X đã nhiều lần hỏi L về công việc của anh Cường thì được L cho biết chưa xin được việc cho anh Cường, biết mình bị lừa bà X đề nghị L trả lại tiền, thì L viết 01 giấy cam kết trả tiền nội dung: “*Tôi có nhận số tiền là 450 triệu đồng để lo việc cho cháu Đỗ X Cường vào Bộ Công an, trong vòng 15 ngày có quyết định đi làm. Nay đã quá thời hạn trên nên gia đình thôi không làm nữa và tôi cam kết sau 3 ngày*

hoàn lại tiền gốc và lãi tính theo lãi xuất ngân hàng”, nhưng không trả lại tiền cho bà X.

Đến ngày 10/4/2017, L đã cùng bà Tô Thị Thu H (Sinh năm: 1966; Nơi cư trú: Thôn Vũ Xá, xã Đông Phong, Tiền Hải, TB) đến nhà ông Cự tại xã Châu Sơn, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh TB. Tại đây, L yêu cầu ông Cự viết bản cam kết về việc đã nhận tiền của L để xin việc cho anh Cường vào công tác tại Công an Thành phố Hà Nội. Tuy nhiên, do mắt kém nên ông Cự và L đã nhờ một người phụ nữ tên Chung (hiện chưa rõ nhân thân, lai lịch) viết cho 01 bản cam với nội dung: “Ngày 20/4/2015, tôi có nhận số tiền chạy việc vào Công an cho cháu Cường ở Thanh Hóa là 350.000.000 đồng. Tôi cam kết sẽ hoàn trả lại đầy đủ số tiền trên hạn cuối cùng vào ngày 15/11/2017” và L, Cự cùng ký. Ngày 12/12/2017, bà Đỗ Thị X viết đơn tố cáo Nguyễn Thúc L có hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

** Vật chứng thu giữ:*

- Giấy cam kết trả tiền của Nguyễn Thúc L ghi ngày 19/01/2015 âm lịch.
- Giấy biên nhận tiền và giấy biên nhận tiền của Nguyễn Thúc L ngày 16/3/2015.
- Giấy nhận tiền của Nguyễn Thúc L ngày 27/4/2015.
- Bản cam kết của Nguyễn Hồng Cự.

Sau khi tiếp nhận tin báo, tổ giám tội phạm, Cơ quan điều tra ra Quyết định phân công giải quyết nguồn tin về tội phạm ngày 27/12/2017. Ngày 27/4/2018, Cơ quan điều tra ra Quyết định tạm đình chỉ việc giải quyết nguồn tin về tội phạm.

Ngày 03/6/2024, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định khởi tố bị can và Lệnh bắt bị can để tạm giam đối với Nguyễn Thúc L, về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, theo quy định tại khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Ngày 07/3/2018, Cơ quan có công văn số: 200 về việc đề nghị cung cấp thông tin tỉ giá ngoại tệ giữa đô la Mỹ và đồng Việt Nam vào ngày 16/3/2015.

Ngày 12/4/2018, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có công văn số: 2354/NHNN-PC cung cấp: Tỷ giá giao dịch B quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng giữa đồng Việt Nam và đô la Mỹ do Ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố áp dụng cho ngày 16/3/2015: 1 USD=21.458 VNĐ.

- Ngày 29/01/2018, Cơ quan điều tra có Quyết định trưng cầu số: 79 về chữ viết, chữ ký của Nguyễn Thúc L.

Tại Kết luận giám định số: 668/C54-P5 ngày 11/4/2018 và công văn đính chính kết luận giám định số: 1326/C09-P5 ngày 09/5/2024 của Viện khoa học Hình sự Bộ Công an, kết luận:

- Chữ viết phần nội dung Bản cam kết trên mẫu cần giám định ký hiệu A5 so với chữ viết của Nguyễn Thúc L trên các mẫu so sánh kí hiệu M1, M2 không phải do cùng một người viết ra.

- Chữ viết phần nội dung và chữ ký đứng tên Nguyễn Thúy L trên các mẫu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A5 (trừ phần chữ viết đã kết luận tại mục 5.1) so với chữ viết, chữ ký của Nguyễn Thúy L trên các mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 **do cùng một người viết, ký ra.**

Ngày 03/6/2024, Cơ quan điều tra có công văn số: 669 đề nghị Phòng tổ chức cán bộ Công an thành phố Hà Nội cung cấp thông tin: Năm 2015, có tiếp nhận hồ sơ tuyển chọn công dân Đỗ X Cường có lý lịch nêu trên vào Công an thành phố Hà Nội không.

Ngày 13/6/2024, Phòng tổ chức cán bộ Công an thành phố Hà Nội có công văn số: 2860/PX01-Đ5 phúc đáp với nội dung như sau: “*Năm 2015, phòng tổ chức cán bộ không tiếp nhận hồ sơ và không báo cáo Ban Giám đốc CATP tuyển chọn ai tên Đỗ X Cường, Sinh năm: 1987; HKTT: 550 Nguyễn Trãi, phường Phú Sơn, TP Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa; Họ tên bố: Đỗ X Chức; SN: 1954; Họ tên mẹ: Mai Thị Tú; SN: 1956 vào làm việc tại CATP Hà Nội*”.

Đối với người có tên là Nguyễn Hồng Cự (Sinh năm: 1949; NKTT: Thôn An Khoái, xã Quỳnh Sơn, Quỳnh Phụ, TB; nay là xã Châu Sơn, Quỳnh Phụ, TB) mà theo bị can Nguyễn Thúy L khai đã đưa tiền 350.000.000 đồng cho ông Cự để xin việc cho anh Cường. Quá trình điều tra, đến nay xác định Nguyễn Hồng Cự không có mặt tại địa phương, nên không làm việc được. Cơ quan điều tra đã ra Quyết định truy tìm số: 2453 ngày 16/8/2024 đối với Nguyễn Hồng Cự. Ngày 29/8/2024, Cơ quan CSĐT Công an huyện HD ra Quyết định tách hành vi và tài liệu liên quan trong vụ án hình sự số: 2615 của đối tượng Nguyễn Hồng Cự để tiếp tục xác minh, điều tra làm rõ, nếu có căn cứ sẽ xử lý sau.

Đối với bà Phạm Thị Q là người giới thiệu Nguyễn Thúy L để bà Đỗ Thị X nhờ L xin việc cho anh Đỗ X Cường. Quá trình điều tra xác định bà Q không biết cụ thể việc thỏa thuận giữa L với bà X, không được hưởng lợi trong sự việc trên. Do đó, Cơ quan điều tra không xem xét xử lý bà Q với vai trò đồng phạm với L là có căn cứ.

*** Về trách nhiệm dân sự:** Quá trình điều tra bị can Nguyễn Thúy L đã trả lại 80.000.000 đồng cho bà Đỗ Thị X. Bà X yêu cầu L phải trả nốt số tiền còn lại.

Tại bản cáo trạng số 140/CT – VKSHĐ ngày 30 tháng 9 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện HD truy tố Nguyễn Thúy L về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi lừa đảo của mình phù hợp với nội dung bản cáo trạng Viện kiểm sát truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm luận tội đối với bị cáo giữ nguyên quan điểm như Cáo trạng truy tố. Đề nghị:

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b,s khoản 1 Điều 51; Điều 38 BLHS.

Xử phạt Nguyễn Thúy L từ 08 năm đến 09 năm tù.

* Vật chứng vụ án: không; trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường cho người bị hại theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nhất trí với quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát không có ý kiến tranh luận gì khác. Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo đề nghị hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]- Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện HĐ, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bị hại, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong vụ án đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]- Về hành vi của bị cáo: Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo Nguyễn Thúy L thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với nội dung bản cáo trạng Viện kiểm sát truy tố, phù hợp với lời khai người bị hại, người làm chứng và các tài liệu trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử đủ căn cứ xác định:

Nguyễn Thúy L không có chức năng, nhiệm vụ quyền hạn gì liên quan đến việc tiếp nhận, xét tuyển dụng người vào ngành Công an, nhưng L đã dùng thủ đoạn gian dối bằng cách hứa hẹn và nhận tiền của chị Đỗ Thị X để xin cho anh Đỗ X Cường (là cháu chị X) vào Công an thành phố Hà Nội. Do tin tưởng, nên ngày 09, 16 và 27/4/2015 tại thôn Đào Nguyên, xã AT, huyện HĐ, TP Hà Nội, chị X đã đưa cho L số tiền 130.000.000 đồng và 15.000 (USD) đô la Mỹ (1USD=21.458). Tổng số tiền mà L đã nhận là: **451.870.000 đồng**. Sau khi nhận tiền của chị X, Nguyễn Thúy L đã chiếm đoạt mà không làm thủ tục nộp hồ sơ tuyển dụng với Cơ quan có thẩm quyền và tiêu sài cá nhân.

[3]. Xét tính chất hành vi phạm tội: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật nhưng bằng thủ đoạn gian dối làm cho người bị hại tin tưởng giao tiền sau đó chiếm đoạt tài sản của họ để phục vụ cho bản thân. Do vậy cần xét xử nghiêm trước pháp luật, nhằm giáo dục riêng và đấu tranh phòng chống tội phạm chung trong xã hội.

[4]. Về tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo đã bồi thường cho người bị hại số tiền 80.000.000đ để khắc phục một phần thiệt hại, do đó bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi lượng hình.

[5]. Khi quyết định hình phạt, HĐXX căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội, yếu tố lỗi, nhân thân và các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo như phân tích trên, xét thấy cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian mới đủ điều kiện để cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HD đề nghị HĐXX áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo là có căn cứ. Do đó, HĐXX áp dụng quy định tại Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù có thời hạn là phù hợp.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Bà Đỗ Thị X xác nhận bị cáo đã bồi thường số tiền 80.000.000đ, số tiền còn lại 371.870.000đ bị cáo phải tiếp tục bồi thường cho bà X là phù hợp.

[7]- Về vật chứng vụ án: không

[8]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[9]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Thúy L** phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- *Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm s khoản 1,2 Điều 51, Điều 38 BLHS.*

Xử phạt: Nguyễn Thị Thúy L **08 (Tám)** năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 01/7/2024.

* Trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 BLHS; Điều 584, 585, 586, 589 BLDS.

Buộc bị cáo Nguyễn Thúy L phải bồi thường cho bà Đỗ Thị X số tiền 371.870.000đ (Ba trăm bảy mươi một triệu, tám trăm bảy mươi nghìn đồng)

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có quyền làm đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo không chịu trả số tiền nêu trên thì hàng tháng bị cáo còn phải trả số tiền lãi theo mức lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự tại thời điểm trả.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a,

7b của Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

* Án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Thúy L là người cao tuổi được miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự trong vụ án hình sự.

* Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331 và 333 BLTTHS.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hà Nội;
- VKSND huyện HD;
- Công an huyện HD;
- Trại giam số 1
- Chi cục THADS huyện HD;
- Bị cáo; Bị hại
- UBND xã
- Lưu hs, vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Thị Diệu Kim

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn X Lưu Nguyễn Thị Thêm

Lương Thị Diệu Kim

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 10 giờ 00 phút ngày 22 tháng 10 năm 2024

Tại trụ sở TAND huyện HĐ- Hà Nội

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: **Bà Lương Thị Diệu Kim**

Các hội thẩm nhân dân: **Bà Nguyễn Thị Thêm**

Ông Nguyễn X Lư

Tiến hành nghị án vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 146/2024/TLST-HS ngày 03 tháng 10 năm 2024 đối với: Bị cáo Nguyễn Thúc L

Căn cứ vào Điều 299 và Điều 326 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Căn cứ các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

- Vụ án không thuộc trường hợp tạm đình chỉ, trả hồ sơ để điều tra bổ sung.
- Các chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thu thập; do bị cáo, người tham gia tố tụng khác cung cấp; hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đều hợp pháp. Bị cáo không thuộc trường hợp miễn trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt.

1. Về căn cứ kết tội: Bị cáo Nguyễn Thúc L phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Kết quả biểu quyết 3/3

2. Về điều luật áp dụng và mức hình phạt:

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm s khoản 1,2 Điều 51, Điều 38 BLHS.

Xử phạt: Nguyễn Thị Thúc L **08 (Tám)** năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 01/7/2024.

3. Các vấn đề khác:

* Trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 BLHS; Điều 584, 585, 586, 589 BLDS.

Buộc bị cáo Nguyễn Thúc L phải bồi thường cho bà Đỗ Thị X số tiền 371.870.000đ (Ba trăm bảy mươi một triệu, tám trăm bảy mươi nghìn đồng)

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có quyền làm đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo không chịu trả số tiền nêu trên thì hàng tháng bị cáo còn phải trả số tiền lãi theo mức lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự tại thời điểm trả.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b của Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

* Án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Thúy L là người cao tuổi được miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự trong vụ án hình sự.

* Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331 và 333 BLTTHS.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Kết quả biểu quyết 3/3

Nghị án kết thúc vào hồi 10h30 cùng ngày

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn X Lưu

Nguyễn Thị Thêm

Lương Thị Diệu Kim

